

Số: 10 /BC-TTLT

Đồng Nai, ngày 12 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO
Công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 4 năm 2025

Kính gửi: Sở Nội vụ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ,

Trung tâm báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 4 năm 2025 như sau:

I. Công khai thực hiện nhiệm vụ thu NSNN:

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

II. Công khai thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách:

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

Trên là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 4 năm 2025 của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Ban giám đốc;
- Toàn thể VC & NLĐ;
- Website Trung tâm;
- Lưu: VT, HCTH (KT).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Võ Chí Cường

Đvt: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí và nguồn thu hoạt động sự nghiệp				
1	Số thu	0	1.531,0		6.378,0
	Phí khai thác tài liệu	0	29,1	0,0	427,0
	Thu hoạt động sự nghiệp	0	1.502,0		8.733,4
2	Số nộp ngân sách nhà nước	0	195,2		8.762,3
	Phí khai thác tài liệu	0	2,9	0,0	427,0
	Hoạt động sự nghiệp	0	192,3		12.430,0
3	Tổng số thu để lại sử dụng	0	1.335,8		6.134,1
	Phí khai thác tài liệu	0	26,2	0,0	427,0
	Hoạt động sự nghiệp	0	1.309,7		8.368,0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính	24.418,0	2.776,3	11,37	193,65
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.915,9	1.371,8	19,84	203,35
-	Chi con người (Mã ngành: 161)	2.285,0	- 226,1		
-	Chi hoạt động (Mã ngành: 161)	866,0	356,88	41,21	195,86
-	Chi con người (Mã ngành: 338)	2.843,9	1.263,43	44,43	
-	Chi hoạt động (Mã ngành: 338)	921,0	- 22,37		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	17.502,2	1.404,5	8,02	185,02

-	Các nhiệm vụ khác (Mã ngành: 161)	2.272,0	762,64	33,57	100,47
-	Các nhiệm vụ khác (Mã ngành: 338)	539,5	299,4	55,50	
-	Khen thưởng (Mã ngành: 338)	129,0	-	0	
-	Khen thưởng (Mã ngành: 161)	149,0	342,490	229,86	
-	Kinh phí thực hiện chế độ đối với người nghỉ việc (nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc) theo Nghị định 178/2024/NĐ- CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ (Mã ngành: 161)	14.412,67	0	0	0